TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **20**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hồ Viết Trung**

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước *tham gia phiên toà:* **Bà Lê Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2017/TLST - HNGĐ ngày 17/4/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** **Bà Mai Thị Tuyết N**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước.

***Bị đơn:** **Ông Lê Văn D**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Mai Thị Tuyết N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Thị Tuyết N và ông Lê Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P cũ

nay là xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/3/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, không cùng quan điểm sống, cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N và ông D đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, nay bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông D.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lê Văn D trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Văn D thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Ông D và bà N đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D đồng ý ly hôn với bà N.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Mai Thị Tuyết N được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Mai Thị Tuyết N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Lê Văn D có nơi cư trú tại xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn ông Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Văn D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Tuyết N và ông Lê Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P cũ nay là xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước vào ngày 14/3/2006. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, bà N và ông D xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N và ông D đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Mặt khác, trước yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Tuyết N thì ông Lê Văn D đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà N và ông D.

Về con chung và về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Mai Thị Tuyết N và ông Lê Văn D.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 025811 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Quang Ninh